

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-10-2021
“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về việc “*Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Danh K, sinh năm 1999 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn N, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và lời trình bày nguyên đơn chị Danh K có tại hồ sơ, thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/2021 ngày 20/4/2021. Vợ chồng có một con chung: Cháu Ngô Hoài T, sinh ngày 15/11/2016 (Nam); Cháu T đang sống với anh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh N thường xuyên đánh đập chị, chị xét thấy không còn tình cảm với anh N, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ngô Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N đúng theo quy định pháp luật nhưng anh N vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu xin ly hôn của chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Danh K khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Ngô Văn N có nơi cư trú xã P, huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp về việc “*Ly hôn, nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về vắng mặt đương sự:* Chị Danh K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ngô Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K, anh N là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị K và anh N tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó hôn nhân giữa chị K anh N hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn chị K xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, chị thấy không còn tình cảm với anh N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh N. Thấy rằng anh N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị K, điều đó cho thấy anh N không quan tâm gì đến mối quan hệ hôn nhân với chị K. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K cho chị K và anh N ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Xét về con chung, cấp dưỡng:* Chị K và anh N có một người con chung cháu Ngô Hoài T, sinh ngày 15/11/2016 (nam), hiện tại cháu T đang sống với anh N. Chị K đồng ý giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu T, do đó giao cháu T cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị K có quyền đến thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị K thực hiện quyền này và chị K phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với anh N là phù hợp với Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, do Tòa án không ghi được ý kiến của anh N về về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, riêng, nợ chung, riêng trường hợp các bên không thỏa thuận được vấn đề trên thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

[3] *Xét về án phí*: Chị K là người yêu cầu phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Danh K

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh K và anh Ngô Văn N

- Về con chung: Giao cháu Ngô Hoài T, sinh ngày 15/11/2016 (Nam) cho anh Ngô Văn N nuôi dạy, chăm sóc cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị K có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị K thực hiện quyền này và chị K tôn trọng quyền của cháu T được sống với anh N.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Danh K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị K đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004885 ngày 22/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

Chị Danh K, anh Ngô Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Len

